TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST-DS	*Thanh Ba, ngày 09 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 01/08/2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Xuân H, sinh năm 1954.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khu 3, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú hiện tại: Tổ 12, khu 7, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Ông Đặng Quốc H, sinh năm 1969

Trú tại: Khu 21, xã H, huyện T, Phú Thọ

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số nhà 150, đường N, khu 11, thị trấn T, huyện T, Phú Thọ.

- Bà Đặng Thị K, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, Phú Thọ

- Bà Đặng Thị H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Ông Đặng Quang H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Bà Đặng Thị V, sinh năm 1952.

Địa chỉ: xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai

(Người đại diện theo ủy quyền cho, bà H, ông H1, bà V: Ông Đặng Xuân H2).

- Ông Đặng Xuân N, sinh năm 1962 và bà Trần Thị Thanh N1, sinh năm 1964. Trú tại: Khu B, xã H, huyện T, Phú Thọ.

- Bà Bùi Thị H3, sinh năm 1969.

Trú tại: Khu B, xã H, huyện T, Phú Thọ.

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Ông (bà) Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Hải N2, chức vụ : Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện T

- Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo pháp luật: Ông (bà) Chủ tịch UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng N3, chức vụ: Công chức địa chính xã Hanh Cù

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Các bên thống nhất xác định:

* Cụ Đặng Văn N4, sinh năm 1921, chết năm 1998; cụ Nguyễn Thị G, sinh năm 1927, chết năm 2005.

* Hàng thừa kế thứ nhất của cụ N4 và cụ G gồm: Bà Đặng Thị V1, sinh năm 1952; Ông Đặng Xuân H2, sinh năm 1954; Ông Đặng Xuân T, sinh năm 1955; Bà Đặng Thị K, sinh năm 1959; Ông Đặng Xuân N, sinh năm 1962; Bà Đặng Thị H4, sinh năm 1964; Ông Đặng Quang H5, sinh năm 1967; Ông Đặng Quốc H6, sinh năm 1969.

* Di sản thừa kế của cụ N4 và cụ G để lại và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết gồm: 01 thửa đất số 315, tờ bản đồ số 29, diện tích 705m^2 (trong đó đất ở = 400m^2, đất vườn = 305m^2), địa chỉ: khu B, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 354515 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 18/11/1999 mang tên hộ ông Đặng Quốc H6. Ngày 26/11/2014, ông H6 và bà H3 đã chuyển nhượng cho ông Đặng Xuân N và bà Trần Thị Thanh N1 diện tích đất là 186m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở và 86m^2 đất vườn). Diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đặng Quốc H6 là 519m^2 (trong đó đất ở là 300m^2, đất vườn là 219m^2 đất vườn). Theo số liệu xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc lại được xác định còn là là 600,6m^2.

[2.2]. Các bên thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với tài sản của cụ Đặng Văn N4 và cụ Nguyễn Thị G là toàn bộ thửa đất trên như sau:

- Ông Đặng Xuân N và bà Trần Thị Thanh N1 được sử dụng diện tích đất 186m^2 tại thửa đất số 83 (trong đó có 100m^2 đất ở, 86m^2 đất vườn – số liệu tại bản chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính kèm theo) (thửa đất số 539, tờ bản đồ số 73 – Bản đồ chính quy), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 811818 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 26/11/2014 mang tên ông Đặng Xuân N và bà Trần Thị Thanh N1 có giá trị theo đơn giá đã được định giá là 507.912.000đ (Năm trăm linh bảy triệu chín trăm mười hai nghìn đồng chẵn) (trong đó đất ở có

giá trị là 100m^2 x 5.000.000đ = 500.000.000đ; đất vườn là 86m^2 x 92.000đ = 7.912.000đ). (ký hiệu thửa đất tại sơ đồ là P1)

- Ông Đặng Quốc H6 và bà Bùi Thị H3 được sở hữu và sử dụng: Diện tích đất 400,6m^2 tại thửa đất số 84 (trong đó có 200m^2 đất ở, 200,6m^2 đất vườn – số liệu tại bản chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính kèm theo) (thửa đất số 84, tờ bản đồ số 73 – Bản đồ chính quy), tài sản trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ; 32,2m tường rào (B40) tại vị trí thửa đất, có tổng giá trị đất đã được định giá là 1.018.455.200đ (một tỷ không trăm mười tám triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng) (trong đó đất ở có giá trị là 200m^2 x 5.000.000đ = 1.000.000.000đ; đất vườn là 200,6m^2 x 92.000đ = 18.455.200đ). (kí hiệu thửa đất tại sơ đồ là P2).

Bà Đặng Thị V1, Ông Đặng Xuân H2, Ông Đặng Xuân T, Bà Đặng Thị K, Bà Đặng Thị H4, Ông Đặng Quang H5 sử dụng diện tích đất 200m^2 tại thửa đất số 575 (trong đó có 100m^2 đất ở, 100m^2 đất vườn - số liệu tại bản chỉnh lý trích lục bản đồ địa chính kèm theo) (thửa đất số 84, tờ bản đồ số 73 – Bản đồ chính quy); Tài sản trên đất gồm có 16m tường rào (b40) có tổng giá trị tài sản được phân chia (đã được định giá) là 509.200.000đ (Năm trăm linh chín triệu hai trăm nghìn đồng chẵn), (trong đó đất ở có giá trị là 100m^2 x 5.000.000đ = 500.000.000đ; đất vườn là 100m^2 x 92.000đ = 9.200.000đ). (ký hiệu thửa đất tại sơ đồ là P3).

(Hiện trạng, vị trí các thửa đất đã phân chia như sơ đồ kèm theo).

Các ông bà Bà Đặng Thị V1, Ông Đặng Xuân H2, Ông Đặng Xuân T, Bà Đặng Thị K, Bà Đặng Thị H4, Ông Đặng Quang H5, ông Đặng Quốc H6 và bà Bùi Thị H3, Đặng Xuân N và bà Trần Thị Thanh N1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau và có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Xuân H2 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp) là 7.580.000đ (Bảy triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn). (Ông H2 đã nộp đủ chi phí tố tụng).

* Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Xuân H2, bà Đặng Thị K, ông Đặng Xuân T bà Đặng Thị V1 (bà V1 do ông H2 đại diện theo ủy quyền); Ông Đặng Xuân T tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đặng Thị H4 là 2.026.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn) và ông Đặng Quang H5 là 2.026.000đ (Hai triệu không trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn).

- Ông Đặng Quốc H6 và bà Bùi Thị H3 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị kỷ phần tài sản được hưởng là 21.276.000đ (Hai mươi mốt triệu hai trăm bẩy mươi sáu nghìn đồng chẵn).

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đặng Xuân N. Bà Trần Thị Thanh N1 có nghĩa vụ nộp án phí đối với giá trị tài sản được hưởng là 6.092.000đ (sáu triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba
- Chi cục THADS h Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan